



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên độc lập của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ BÌNH THUẬN**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13/01/2025 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2025: 11.000.000.000 đồng.

Trong đó, phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ.

Thông tin về việc hủy tư cách công ty đại chúng và hủy niêm yết cổ phiếu

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 52/GCN-TTGDHN ngày 28/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là BST. Ngày chính thức giao dịch là ngày 18/12/2008.

Ngày 17/04/2025, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty đã thông qua việc hủy tư cách công ty đại chúng và hủy niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) do không đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ theo quy định.

Ngày 14/07/2025, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã có văn bản số 3415/UBCK-GSĐC về việc hủy tư cách Công ty đại chúng của Công ty

Ngày 04/08/2025, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cũng đã có Thông báo số 3494/TB-SGDHN về việc hủy bỏ niêm yết bắt buộc cổ phiếu BST của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận. Theo đó, ngày giao dịch cuối cùng của cổ phiếu BST trên HNX là 28/8/2025 và ngày 29/8/2025 chính thức hủy niêm yết.

Sự kiện phát sinh trong năm ảnh hưởng đến tình hình Công ty

Ngày 26/12/2025, Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định 3588/QĐ-BGDĐT về việc lựa chọn bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống” làm bộ sách giáo khoa sử dụng thống nhất toàn quốc kể từ năm học 2026-2027. Chủ trương này ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ của các bộ sách giáo khoa khác và ảnh hưởng có liên quan do không còn được sử dụng rộng rãi như bộ sách chính khóa mà chỉ được xem là sách tham khảo.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 70 Nguyễn Văn Trỗi – Phường Phan Thiết - Tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại: (84) 252 3816 118
- Fax: (84) 252 3817 595
- Website: www.stbbt.com.vn

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp

- Bán buôn sách giáo khoa; Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh đồ chơi trẻ em;
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư vốn hoạt động tài chính;

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 33 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-----------------------|------------|--|
| • Ông Vũ Bùi Biền | Chủ tịch | Bỏ nhiệm lại ngày 17/04/2025 |
| • Ông Hoàng Thọ Cường | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 17/04/2025 |
| • Ông Nguyễn Minh Hà | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 17/04/2025 |
| • Ông Lê Trung Phi | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 17/04/2025 |
| • Ông Trần Hữu Sơn | Thành viên | Bộ nhiệm ngày 17/04/2025 |
| • Ông Nguyễn Văn So | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 28/05/2020
Miễn nhiệm ngày 17/04/2025 |
| • Ông Trần Văn Hưng | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 14/10/2024
Miễn nhiệm ngày 17/04/2025 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|--|
| • Ông Đỗ Huy Kiên | Trưởng ban | Bỏ nhiệm lại ngày 17/04/2025 |
| • Ông Nguyễn Vũ Công Minh | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 17/04/2025 |
| • Ông Vương Trí Thịnh | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 17/04/2025 |
| • Ông Lê Trung Nhân | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 28/05/2020
Miễn nhiệm ngày 17/04/2025 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Minh Hà | Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 28/05/2020 |
| • Ông Trần Hữu Sơn | Phó Giám đốc | Bỏ nhiệm ngày 01/10/2020 |
| • Ông Nguyễn Khoa Tuyền | Kế toán trưởng | Bỏ nhiệm lại ngày 28/05/2020 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập


Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Minh Hà

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2026



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 202/2026/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Võ Ngọc Trường – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6013-2023-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.986.068.191	23.503.022.429
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	3.938.325.767	2.765.846.243
1. Tiền	111		1.438.325.767	2.765.846.243
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.000.000.000	7.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7a	9.000.000.000	7.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		398.575.747	774.708.604
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	215.294.298	556.385.607
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	11.206.117
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	222.396.731	314.561.804
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(49.147.263)	(107.444.924)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		10.031.981	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	4.595.868.986	12.962.467.582
1. Hàng tồn kho	141		5.922.464.662	13.567.734.854
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.326.595.676)	(605.267.272)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		53.297.691	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.000.000	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	35.297.691	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.607.677.988	2.019.715.476
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.167.795.025	1.291.795.476
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.085.156.136	1.291.795.476
- Nguyên giá	222		3.685.924.467	4.021.939.467
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.600.768.331)	(2.730.143.991)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	82.638.889	-
- Nguyên giá	228		85.000.000	83.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.361.111)	(83.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	-	-
- Nguyên giá	231		210.725.800	210.725.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(210.725.800)	(210.725.800)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		427.920.000	727.920.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7b	427.920.000	727.920.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.962.963	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		11.962.963	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		19.593.746.179	25.522.737.905

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.738.878.493	10.160.258.632
I. Nợ ngắn hạn	310		4.738.878.493	10.160.258.632
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.796.747.451	6.577.904.145
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	257.010.856	204.605.782
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	64.841.895	111.343.414
4. Phải trả người lao động	314		1.759.965.572	2.101.096.801
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	105.659.189	280.141.362
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	30.986.434	49.407.381
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		723.667.096	835.759.747
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.854.867.686	15.362.479.273
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	14.854.867.686	15.362.479.273
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	112.410.011	112.410.011
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	2.847.286.092	2.310.911.155
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	895.171.583	1.939.158.107
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		82.783.170	756.374.937
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		812.388.413	1.182.783.170
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		19.593.746.179	25.522.737.905



Nguyễn Minh Hà

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	65.805.578.391	84.346.393.977
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	111.130.631	518.961.176
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		65.694.447.760	83.827.432.801
4. Giá vốn hàng bán	11	24	58.583.367.656	73.183.888.990
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>7.111.080.104</u>	<u>10.643.543.811</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	401.651.186	1.007.692.435
7. Chi phí tài chính	22	26	14.967.000	76.011.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	4.124.005.646	6.525.206.720
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	2.114.175.757	3.013.853.158
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>1.259.582.887</u>	<u>2.036.165.368</u>
11. Thu nhập khác	31		41.141.648	189.720.262
12. Chi phí khác	32		489.240	125.060.997
13. Lợi nhuận khác	40		<u>40.652.408</u>	<u>64.659.265</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>1.300.235.295</u>	<u>2.100.824.633</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	271.895.533	480.573.716
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>1.028.339.762</u>	<u>1.620.250.917</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	739	1.164
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	739	1.164



Nguyễn Minh Hà

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	66.070.626.216	86.750.923.558
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(57.889.365.015)	(83.027.182.571)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.322.503.767)	(6.662.330.650)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05 17	(354.631.028)	(566.963.268)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.334.818.196	2.242.500.454
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.881.616.593)	(2.456.810.418)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.957.328.009	(3.719.862.895)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(999.800.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	136.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.000.000.000)	(11.020.668.493)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	7.000.000.000	14.020.668.493
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	300.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 9,25	235.151.515	460.668.187
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.464.848.485)	2.597.231.823
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 20	(1.320.000.000)	(1.430.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.320.000.000)	(1.430.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.172.479.524	(2.552.631.072)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 6	2.765.846.243	5.318.477.315
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 6	3.938.325.767	2.765.846.243



Lâm Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyên

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13/01/2025 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính

- Bán buôn sách giáo khoa; Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh đồ chơi trẻ em;
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư vốn hoạt động tài chính;

2. Sự kiện ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 26/12/2025, Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định 3588/QĐ-BGDĐT về việc lựa chọn bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống” làm bộ sách giáo khoa sử dụng thống nhất toàn quốc kể từ năm học 2026-2027. Chủ trương này ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ của các bộ sách giáo khoa khác và ấn phẩm có liên quan do không còn được sử dụng rộng rãi như bộ sách chính khóa mà chỉ được xem là sách tham khảo.

3. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

4. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

5. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

5.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính theo phương pháp giá bán lẻ với giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

5.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm bán hàng	3

5.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	Hết khấu hao

5.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

5.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

5.10 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

5.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến các luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

5.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

5.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

5.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

5.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

5.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

5.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

5.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, từ điển,... áp dụng mức thuế suất 5%;
 - ✓ Các mặt hàng khác như văn phòng phẩm, lịch, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%. Năm 2025, Công ty áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% đối với các mặt hàng này theo quy định tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	6.274.000	21.323.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.432.051.767	2.744.523.243
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	2.500.000.000	-
Cộng	3.938.325.767	2.765.846.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	9.000.000.000	9.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	9.000.000.000	9.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000

Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng tại Ngân hàng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	31/12/2025			01/01/2025		Giá trị hợp lý
				Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương (i)	Đang hoạt động	3%	-	-	-	-	300.000.000	-	-
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (BMD)(ii)	Đang hoạt động	1,55%	42.792	427.920.000	-	427.920.000	427.920.000	-	427.920.000
Cộng				427.920.000	-	427.920.000	727.920.000	-	427.920.000

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (mã chứng khoán BMD) được xác định căn cứ theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
Trường Tiểu học Thuận Minh 2	43.283.200	68.283.200
Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	27.815.000	-
Trường THCS Sông Phan	23.352.000	19.120.467
Các đối tượng khác	120.844.098	468.981.940
Cộng	215.294.298	556.385.607

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	192.838.904	-	122.890.411	-
Tạm ứng	9.206.085	-	6.839.891	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	181.779.386	-
Phải thu khác	20.351.742	-	3.052.116	-
Cộng	222.396.731	-	314.561.804	-

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2025	Năm 2024
Số đầu kỳ	107.444.924	328.430.234
Trích lập trong kỳ	-	61.673.928
Hoàn nhập trong kỳ	43.000.000	282.659.238
Xóa nợ phải thu đã trích lập dự phòng	15.297.661	-
Số dự phòng cuối kỳ	49.147.263	107.444.924

11. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	5.922.464.662	(1.326.595.676)	13.567.734.854	(605.267.272)
Cộng	5.922.464.662	(1.326.595.676)	13.567.734.854	(605.267.272)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2, kể từ năm học 2026–2027, bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” sẽ là bộ sách giáo khoa duy nhất được sử dụng toàn quốc. Các bộ sách khác và ấn phẩm có liên quan sẽ bị ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ do được xem là sách tham khảo, học liệu bổ trợ. Hội đồng quản trị đã xem xét tác động của chủ trương này đến tình hình tài chính Công ty tại cuộc họp ngày 05/02/2026. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Hội đồng để đánh giá tồn thất có thể xảy ra trước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

tình hình mới. Công ty xác định giá trị hàng tồn kho bị ảnh hưởng bởi sự kiện thống nhất một bộ sách giáo khoa tại 31/12/2025 là 1.913.235.145 đồng; Căn cứ kinh nghiệm thực tế trong hoạt động phát hành sách, Hội đồng đã họp ngày 31/12/2025 xác định tỷ lệ trích lập dự phòng tương ứng là 55% giá trị ghi sổ đối với các loại sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên còn tồn kho thuộc bộ sách “Cánh diều” và “Chân trời sáng tạo”; tổng dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tương ứng tại 31/12/2025 là 1.052.279.330 đồng.

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2025.

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	1.984.596.285	1.624.878.182	412.465.000	4.021.939.467
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	336.015.000	336.015.000
Số cuối kỳ	1.984.596.285	1.624.878.182	76.450.000	3.685.924.467
Khấu hao				
Số đầu kỳ	1.623.300.799	708.394.848	398.448.344	2.730.143.991
Khấu hao trong kỳ	29.493.507	166.633.333	10.512.500	206.639.340
Giảm trong kỳ	-	-	336.015.000	336.015.000
Số cuối kỳ	1.652.794.306	875.028.181	72.945.844	2.600.768.331
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	361.295.486	916.483.334	14.016.656	1.291.795.476
Số cuối kỳ	331.801.979	749.850.001	3.504.156	1.085.156.136

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 2.095.284.283 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Phân mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	83.000.000	83.000.000
Mua trong kỳ	85.000.000	85.000.000
Thanh lý, nhượng bán	83.000.000	83.000.000
Số cuối kỳ	85.000.000	85.000.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	83.000.000	83.000.000
Khấu hao trong kỳ	2.361.111	2.361.111
Thanh lý, nhượng bán	83.000.000	83.000.000
Số cuối kỳ	2.361.111	2.361.111
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	82.638.889	82.638.889

- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2025.

14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	210.725.800	210.725.800
Khấu hao lũy kế		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	210.725.800	210.725.800
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số đánh cuối kỳ	-	-

- Bất động sản là nhà cho thuê tại 13 Nguyễn Du có nguyên giá 210.725.800 đồng, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025.
- Không có bất động sản đầu tư đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	366.287.390	5.304.498.532
Công ty TNHH Sách Thiết bị giáo dục Đức Trí	214.725.980	158.696.500
Các đối tượng khác	1.215.734.081	1.114.709.113
Cộng	1.796.747.451	6.577.904.145

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP.HCM	Chung Công ty đầu tư	38.704.966	72.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	366.287.390	5.304.498.532
Cộng		404.992.356	5.376.498.532

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Nhà sách Nhất Nguyên	10.478.384	11.423.682
Các đối tượng khác	246.532.472	193.182.100
Cộng	257.010.856	204.605.782

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	17.810.287	343.760.094	314.360.720	-	47.209.661
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	70.752.013	271.895.533	354.631.028	11.983.482	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	22.781.114	143.610.445	148.759.325	-	17.632.234
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	56.249.942	79.564.151	23.314.209	-
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Cộng	-	111.343.414	820.516.014	902.315.224	35.297.691	64.841.895

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí hoa hồng môi giới	52.659.189	224.141.362
Chi phí phải trả khác	53.000.000	56.000.000
Cộng	105.659.189	280.141.362

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	01/01/2025
Thù lao HĐQT, BKS phải trả	-	33.002.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	26.437.000	-
Phải trả khác	4.549.434	16.405.381
Cộng	30.986.434	49.407.381

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2024	11.000.000.000	112.410.011	2.213.696.100	2.186.374.937	15.512.481.048
Tăng trong kỳ	-	-	97.215.055	1.620.250.917	1.717.465.972
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.867.467.747	1.867.467.747
Số dư tại 31/12/2024	11.000.000.000	112.410.011	2.310.911.155	1.939.158.107	15.362.479.273
Số dư tại 01/01/2025	11.000.000.000	112.410.011	2.310.911.155	1.939.158.107	15.362.479.273
Tăng trong kỳ	-	-	536.374.937	1.028.339.762	1.564.714.699
Giảm trong kỳ	-	-	-	2.072.326.286	2.072.326.286
Số dư tại 31/12/2025	11.000.000.000	112.410.011	2.847.286.092	895.171.583	14.854.867.686

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	4.400.000.000	4.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.600.000.000	6.600.000.000
Cộng	11.000.000.000	11.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2025	Năm 2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
Cổ tức đã chia	1.320.000.000	1.430.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.939.158.107	2.186.374.937
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.028.339.762	1.620.250.917
Phân phối lợi nhuận	2.072.326.286	1.867.467.747
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	1.856.374.937	1.430.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	536.374.937	-
- Trả cổ tức cho các cổ đông	1.320.000.000	1.430.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (**)	215.951.349	437.467.747
- Trích quỹ khen thưởng BĐH	71.983.783	97.215.055
- Trích quỹ khen thưởng	71.983.783	113.417.564
- Trích quỹ phúc lợi	71.983.783	129.620.073
- Quỹ đầu tư phát triển	-	97.215.055
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	895.171.583	1.939.158.107

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 49/NQ-ĐHCĐ-2025 ngày 17/04/2025.

(**) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT-2026 ngày 05/02/2026.

f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 17/04/2025 đã thông qua phương án chia cổ tức với tỷ lệ 12% vốn điều lệ (tương ứng 1.320.000.000 đồng). Công ty đã thực hiện chi trả trong năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	VNĐ	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty TNHH Thẩm định giá BTA Việt Nam	90.400.000	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Quản lý Dự án Kiên Long	43.250.000	Nợ không thu hồi được
Đỗ Đình Nam	52.832.481	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Ngọc	57.791.666	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế ECENTER Phan Thiết	30.000.000	Nợ không thu hồi được
Trường Tiểu học Bắc Ruộng 1	24.192.140	Nợ không thu hồi được
Trường THPT Nguyễn Trường Tộ	27.667.090	Nợ không thu hồi được
Các đối tượng khác	527.484.872	
Cộng	853.618.249	

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán sách giáo khoa	50.835.453.269	66.793.807.007
Doanh thu bán sách tham khảo	1.589.998.066	2.092.698.027
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	2.555.062.098	4.054.863.911
Doanh thu bán hàng hóa khác	10.672.289.400	11.170.054.733
Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ khác	152.775.558	234.970.299
Cộng	65.805.578.391	84.346.393.977

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2025	Năm 2024
Hàng bán bị trả lại	111.130.631	518.961.176
Cộng	111.130.631	518.961.176

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn sách giáo khoa	47.188.188.806	61.384.123.400
Giá vốn sách tham khảo	1.019.230.436	1.402.809.196
Giá vốn thiết bị giáo dục	1.909.378.878	2.731.265.135
Giá vốn hàng hóa khác	7.650.647.419	8.279.316.347
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	815.922.117	(613.625.088)
Cộng	58.583.367.656	73.183.888.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	283.704.008	340.600.089
Chiết khấu thanh toán	96.551.178	625.137.946
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.396.000	41.954.400
Cộng	401.651.186	1.007.692.435

26. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	14.967.000	76.011.000
Cộng	14.967.000	76.011.000

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân công	2.548.216.684	3.762.441.454
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.873.615	10.512.504
Chi phí tuyên truyền quảng cáo, môi giới	407.392.727	1.064.418.721
Các khoản khác	1.155.522.620	1.687.834.041
Cộng	4.124.005.646	6.525.206.720

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân công	1.387.661.482	2.055.134.223
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	142.508.545	158.269.796
Các khoản khác	584.005.730	800.449.139
Cộng	2.114.175.757	3.013.853.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.300.235.295	2.100.824.633
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	59.242.370	132.391.400
- Điều chỉnh tăng	80.638.370	174.345.800
+ Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	67.019.654	72.011.789
+ Chi phí không được trừ khác	13.618.716	102.334.011
- Điều chỉnh giảm (cổ tức và lợi nhuận được chia)	21.396.000	41.954.400
Tổng thu nhập chịu thuế	1.359.477.665	2.233.216.033
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	271.895.533	480.573.716
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	271.895.533	446.643.206
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	33.930.510

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.028.339.762	1.620.250.917
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(215.951.349)	(340.252.692)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	215.951.349	340.252.692
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	812.388.413	1.279.998.225
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	739	1.164

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân công	3.935.878.166	5.817.575.677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	209.000.451	123.322.674
Chi phí dịch vụ mua ngoài	327.465.309	1.017.927.062
Chi phí khác bằng tiền	1.808.837.477	2.585.347.769
Cộng	6.281.181.403	9.544.173.182

31. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro biến động về giá cả, công ty đã ký kết các hợp đồng nguyên tắc với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Các đại lý được khuyến khích trả tiền sớm để hưởng các mức chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán tốt, trước khi nhận hàng phải trả dứt điểm đợt hàng trước.
- Bán hàng trực tiếp: Thu bằng tiền mặt, không có rủi ro tín dụng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.796.747.451	-	1.796.747.451
Chi phí phải trả	105.659.189	-	105.659.189
Phải trả khác	30.986.434	-	30.986.434
Cộng	1.933.393.074	-	1.933.393.074
01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.577.904.145	-	6.577.904.145
Chi phí phải trả	280.141.362	-	280.141.362
Phải trả khác	49.407.381	-	49.407.381
Cộng	6.907.452.888	-	6.907.452.888

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2025</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.938.325.767	-	3.938.325.767
Đầu tư tài chính	-	427.920.000	427.920.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.000.000.000	-	9.000.000.000
Phải thu khách hàng	166.147.035	-	166.147.035
Phải thu khác	213.190.646	-	213.190.646
Cộng	13.317.663.448	427.920.000	13.745.583.448

<u>01/01/2025</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.765.846.243	-	2.765.846.243
Đầu tư tài chính	-	727.920.000	727.920.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Phải thu khách hàng	448.940.683	-	448.940.683
Phải thu khác	307.721.913	-	307.721.913
Cộng	10.522.508.839	727.920.000	11.250.428.839

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

<u>Giao dịch</u>		<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
Mua hàng			
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách các loại, thiết bị trường học	27.044.061.807	47.269.835.302
Công ty CP Sách và TBTH TP HCM	Thiết bị trường học	465.614.474	871.952.755
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách các loại	9.977.416.387	12.557.701.950
Giao dịch khác			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Cổ tức đã chia	528.000.000	572.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Chức danh	Nội dung	Năm 2025	Năm 2024	
Ông Vũ Bùi Biên	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	15.200.000	20.347.895
Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên HĐQT	Thù lao	12.400.000	18.568.421
	Giám đốc	Lương, thưởng	333.854.600	349.319.300
Ông Hoàng Thọ Cường	Thành viên HĐQT	Thù lao	8.800.000	-
Ông Trần Hữu Sơn	Thành viên HĐQT	Thù lao	8.800.000	-
	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	197.184.400	202.684.500
Ông Lê Trung Phi	Thành viên HĐQT	Thù lao	12.400.000	18.568.421
Ông Nguyễn Văn So	Thành viên HĐQT	Thù lao	3.600.000	18.568.421
Ông Trần Văn Hưng	Thành viên HĐQT	Thù lao	3.600.000	21.431.053
Ông Nguyễn Khoa Tuyền	Thư ký HĐQT	Thù lao	12.400.000	18.568.421
	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	276.670.400	288.837.600
Ông Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban kiểm soát	Thù lao	8.300.000	12.378.947
Ông Nguyễn Vũ Công Minh	Thành viên BKS	Thù lao	4.500.000	-
Ông Vương Trí Thịnh	Thành viên BKS	Thù lao	6.300.000	9.284.211
Ông Lê Trung Nhân	Thành viên BKS	Thù lao	1.800.000	9.284.211

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

34. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Minh Hà

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền

